

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI; VÙNG NUÔI CHIM YẾN;
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI RA KHỎI KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ) và Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	
1. Phạm vi điều chỉnh - Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn	1. Phạm vi điều chỉnh a) Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại điểm h Điều 80 Luật Chăn nuôi	- Chỉnh sửa, bổ sung phạm vi điều chỉnh cho phù hợp với tổ chức chính quyền sau sáp nhập và tên gọi mới thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 1, Điều 12, Luật Chăn nuôi

nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (NQ số 03/2021/NQ-HĐND). - Vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước (NQ 07/2023/NQ-HĐND).	số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15. b) Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.	
2. Đối tượng áp dụng - Các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường). - UBND các cấp, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	2. Đối tượng áp dụng a) Tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đồng Nai. b) Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.	- Sửa đổi, bổ sung điều chỉnh đối tượng áp dụng cho phù hợp và thống nhất trên địa bàn thành phố Đồng Nai nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y đúng đối tượng; đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật cho mọi đối tượng liên quan.
Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi - NQ số 03/2021/NQ-HĐND: 1. Khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gồm: a) Toàn bộ các phường, xã thuộc thành phố Biên Hòa. b) Toàn bộ các phường thuộc thành phố Long Khánh (trừ các phường Bàu Sen, Xuân Lập, Suối Tre, Xuân Tân, Bảo Vinh). c) Toàn bộ các phường thuộc thị xã. d) Toàn bộ các thị trấn thuộc các huyện	Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi 1. Toàn bộ các khu vực được quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. 2. Các Cộng đồng dân cư hiện hữu theo quy hoạch được phê duyệt không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Các khu vực được xác định chức năng sử dụng đất theo quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt là đất ở, khu công nghiệp, cụm công	- Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các khu vực không được phép chăn nuôi cho đúng với tên gọi mới của địa phương sau sáp nhập và thực hiện chính quyền 2 cấp. - Đề xuất các khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại khoản 1, Điều 12, Luật Chăn nuôi; các khu vực không được phép chăn nuôi mới cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và định hướng phát triển chăn nuôi của địa phương sau khi lên thành phố.

(trừ khu phố 4, khu phố 6 và khu phố 7 thuộc thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu). đ) Các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư theo quy hoạch, khu vực phát triển đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.	ng nghiệp và các khu chức năng khác không phù hợp với hoạt động chăn nuôi.	
2. Đối với các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi (trừ cơ sở nuôi chim yến) xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều này thì phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 01/01/2025, các cơ sở không ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc không di dời sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.	Quy định tại Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp	Luật số 146/2025/QH15 không sửa đổi thời hạn di dời quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Chăn nuôi (các cơ sở chăn nuôi phải di dời trước ngày 01/01/2025). Như vậy, khi điều chỉnh, bổ sung vùng không được phép chăn nuôi theo khoản 1, điều 2 của Nghị quyết này sẽ không xác định được thời hạn di dời, ngưng chăn nuôi và các cơ sở sẽ không được hỗ trợ chính sách di dời theo Nghị định 106/2024/NĐ-CP. - Tuy nhiên với tình hình thực tiễn hiện nay, việc địa phương mới lên Thành phố, một số xã lên Phường, các địa giới hành chính cũ thay đổi, thực hiện chính quyền 2 cấp sẽ có những định hướng phát triển kinh tế mới, vì vậy phải quy định lại, bổ sung những khu vực không được phép chăn nuôi. Đồng thời thực hiện Kết luận số 504 - KL/TU ngày 19/9/2024 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về kết quả kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi

		trường đối với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn các huyện và thành phố Long Khánh (<i>các chỉ đạo tại mục III. Phương hướng thực hiện thời gian tới</i>); Với các lý do trên, việc xác định thời gian di dời tại khoản 2, điều 2 là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của các tổ chức, cá nhân; tạo động lực trong việc phát triển chăn nuôi và khuyến khích các tổ chức cá nhân tuân thủ quy định pháp luật.
Điều 3. Vùng nuôi chim yến * NQ số 03/2021/NQ-HĐND: 1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này. 2. Việc xây dựng, hoạt động nuôi chim yến trong vùng nuôi chim yến phải đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Chăn nuôi và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và các quy định hiện hành có liên quan. 3. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này thì phải giữ nguyên hiện trạng, không được coi nói và đảm bảo	Điều 3. Vùng nuôi chim yến 1. Vùng nuôi chim yến là khu vực nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này và bảo đảm khoảng cách từ nhà yến đến khu dân cư tối thiểu 300 mét. 2. Việc xây dựng, hoạt động nuôi chim yến trong vùng nuôi chim yến phải đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Chăn nuôi và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.	Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ) và thay thế Điều 2 của Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND của UBND tỉnh Bình Phước (cũ), nhằm thống nhất quy định trên toàn địa bàn thành phố Đồng Nai sau sáp nhập.

theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ và các quy định hiện hành có liên quan; các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. - Điều 2 NQ 07/2023/NQ-HĐND: Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu dân cư quy hoạch đất khu dân cư, khu vực quy hoạch đất quốc phòng, quy hoạch đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, đảm bảo khoảng cách từ nhà yến đến khu dân cư tối thiểu 300m. - Điều 3. Quy định chuyển tiếp (Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND): - Đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi chim yến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải giữ nguyên hiện trạng, không được coi nói và thực hiện theo các quy khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.		
Điều 4. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi 1. Các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi (trừ các cơ sở	Điều 4. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi 1. Đối tượng được hỗ trợ Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi	- Điều chỉnh nội dung cho phù hợp với các quy định hiện hành. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 4, Luật Chăn nuôi đề xuất chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi nhằm đảm bảo tính khả thi của Nghị quyết khi triển khai cũng như

nuôi chim yến) quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi di dời đến địa điểm phù hợp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tính từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi.

- Đối với chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi: 4 triệu đồng/cơ sở.

- Đối với trang trại quy mô vừa và trang trại quy mô lớn được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi: 6 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư đối với dự án chăn nuôi mới.

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay trong năm thứ ba. Mức hỗ trợ lãi suất trong ba năm không quá 300 triệu đồng đối với trang trại quy mô lớn, 150 triệu đồng đối với trang trại quy mô vừa, 60 triệu đồng đối với trang trại quy mô nhỏ. Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại từng thời kỳ. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng.

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Mỗi cơ sở chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều

được xây dựng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp hoặc ngừng hoạt động và chuyển đổi ngành nghề.

2. Nội dung và trình tự, thủ tục hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mỗi cơ sở chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các chính sách tương tự từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

c) Các cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ di dời phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

4. Điều kiện được hỗ trợ

đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân chăn nuôi hài hòa với định hướng phát triển chung của thành phố.

- Tham chiếu định mức hỗ trợ theo Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi để xây dựng định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố đảm bảo công khai, minh bạch, rõ ràng cho tất cả các tổ chức, cá nhân thuộc diện hỗ trợ.

Đồng thời thực hiện Kết luận số **504 -KL/TU ngày 19/9/2024** của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về kết quả kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn các huyện và thành phố Long Khánh (***các chỉ đạo tại mục III. Phương hướng thực hiện thời gian tới***);

này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các chính sách tương tự từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

b) Địa điểm chăn nuôi di dời đến phải đảm bảo các điều kiện chăn nuôi theo quy định.

c) Các cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ di dời phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

3. Điều kiện được hỗ trợ:

a) Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh sách phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới, đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại được quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ, đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh sách phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Các cơ sở chăn nuôi phải thực hiện di dời, ngưng chăn nuôi theo đúng quy định tại Điều 2, Điều 7 Nghị quyết này.

c) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn do cơ sở đào tạo cấp.

d) Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được hỗ trợ chính sách tại Điều 4 Nghị quyết này, lập hồ sơ gửi về Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi cơ sở chăn nuôi phải di dời, thành phần hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị hỗ trợ. b) Biên bản ghi nhận hiện trạng ngưng chăn nuôi tại địa điểm phải di dời của Ủy ban nhân dân cấp xã. c) Hợp đồng vay vốn tại các tổ chức tín dụng, giấy nhận nợ tại các tổ chức tín dụng và chứng từ thanh toán cho tổ chức tín dụng. d) Bảng kê lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới đề nghị được hỗ trợ. đ) Bảng kê trả lãi vay có xác nhận của tổ chức tín dụng. e) Biên bản đánh giá điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô nhỏ và quy mô vừa, giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		
Điều 5. Kinh phí thực hiện Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách tỉnh cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, thực hiện.	Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Ngân sách thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.	Giữ nguyên điều 5

Điều 6. Tổ chức thực hiện (của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND) 1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định. 3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 Điều 4. Tổ chức thực hiện (Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc	Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026. 2. Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định. 4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 5. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau: a) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn	Điều chỉnh nội dung và hợp nhất Điều 6. Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai cũ và Điều 4. Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Phước cũ.
--	--	--

thực hiện. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023.	nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. b) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	
	Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp 1. Các cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau: a) Đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này không được tăng quy mô chăn nuôi, không thay đổi loại vật nuôi và phải ngưng chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp trước ngày 31 tháng 12 năm 2030. b) Đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này không được tăng quy mô chăn nuôi, không thay đổi loại vật nuôi và phải di dời, ngưng chăn nuôi khi các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được triển khai thực hiện. 2. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định tại khoản 1	Bổ sung thêm điều khoản chuyển tiếp vì một số nội dung của dự thảo là nội dung xử lý chuyển tiếp Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước và được bố cục thành 01 điều riêng tại phần cuối của văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP

Điều 3 Nghị quyết này thì phải giữ nguyên trạng, không được coi nói và phải đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai Khóa XI, Kỳ họp thứ.....thông qua ngàytháng.....năm 2026.

Giải thích một số cụm từ trong Nghị Quyết		
Hoạt động chăn nuôi	<i>Hoạt động chăn nuôi</i> là nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi và hoạt động khác có liên quan đến vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi phục vụ mục đích làm thực phẩm, khai thác sức kéo, làm cảnh hoặc mục đích khác của con người.	Theo Khoản 2, Điều 2 <i>Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14</i>
Quy mô chăn nuôi	- Quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm được xác định bằng số lượng đơn vị vật nuôi tại cơ sở chăn nuôi cùng thời điểm; - Quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm gồm: Chăn nuôi trang trại bao gồm chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa và quy mô nhỏ và Chăn nuôi nông hộ (<i>gọi chung là cơ sở chăn nuôi</i>)	Theo Điều 52 <i>Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14</i>
Cộng đồng dân cư	Cộng đồng dân cư là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Theo Điều 3 <i>Luật Đất đai số 31/2024/QH15</i>